| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÙ CỪ**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01 /2024/KDTM-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H**

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Văn Tuấn.
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Tô Sỹ Thái và ông Nguyễn Văn Hạnh.
*Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện P, tỉnh H.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-KDTM ngày 12/6/2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 29/02/2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN.
Địa chỉ: Số 02 L, phường TC, quận B, tHnh phố HN.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V.
Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thế T-Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN-Chi nhánh huyện P, tỉnh H.
Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022.
Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị L-Có mặt.
Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN-Chi nhánh huyện P, tỉnh H.
Quyết định ủy quyền số 103/NHNo-PC/UQKK ngày 28/4/2023.
*2. Bị đơn*: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978.
Cùng địa chỉ: thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1949.
Địa chỉ: thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H.
Bị đơn vắng mặt, bà Ph đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Theo hợp đồng tín dụng số 2411-LAV 202000777 ngày 13/5/2020, giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN-Chi nhánh huyện P, tỉnh H (sau đây viết tắt là ngân hàng) với anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị H, thì anh Th, chị H vay của ngân hàng số tiền là 220.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán chi phí sản sản xuất kinh doanh, cụ thể là chăn nuôi. Lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 36 tháng, chia làm 03 phân kỳ trả nợ như sau: Ngày 13/5/2021 trả 70.000.000 đồng nợ gốc và lãi; ngày 13/5/2022 trả 70.000.000 đồng nợ gốc và lãi; thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/5/2023 trả 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi. Ngày 13/5/2020, ngân hàng đã giải ngân cho anh Th, chị H toàn bộ số tiền vay là 220.000.000 đồng, thể hiện tại Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số giải ngân 2411-LDS-202001573.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng của anh Th, chị H, bà Hoàng Thị Ph là mẹ đẻ anh Th đã bảo lãnh bằng tài sản của bà Ph là diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H. Việc bảo lãnh của bà Ph thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 145442522/HĐTC ngày 13/5/2020. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật ngày 23/5/2020. Theo hợp đồng thế chấp này, bà Ph dùng tài sản là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H, đất đã được UBND huyện P, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/1999, bà Ph được nhận thừa kế ngày 12/5/2020 để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng của anh Th, chị H.

Ngay kỳ trả nợ  đầu tiên là ngày 13/5/2021, anh Th, chị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy khoản vay của anh Th, chị H đã chuyển tHnh nợ quá hạn kể từ ngày 13/5/2021. Sau đó anh Th, chị H trả được số tiền nợ gốc cụ thể như sau:

Ngày 15/8/2022 trả 40.000.000 đồng; ngày 13/6/2023 trả 10.000.000 đồng; ngày 09/8/2023 trả 5.000.000 đồng; ngày 26/01/2024 trả 5.000.000 đồng.

Tổng số anh Th, chị H đã trả được 60.000.000 đồng, còn nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay cho đến nay.Tạm tính đến ngày ngày xét xử sơ thẩm ( ngày 27/3/2024), anh Th, chị H còn nợ số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 88.016.850 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc anh Th, chị H trả nợ nhưng anh Th, chị H vẫn không trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Th, chị H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền là 248.016.850 đồng. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu anh Th, chị H không trả được số tiền nợ gốc thì anh Th, chị H còn phải chịu lãi suất  quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Nếu anh Th, chị H không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của bà Ph theo như Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

số 145442522/HĐTC ngày 13/5/2020 là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Th, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Th, chị H thông qua người thân trong gia đình, chính quyền địa phươngương nhưng anh Th, chị H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bà Hoàng Thị Ph trình bầy:

Bà Ph là mẹ đẻ của anh Th, là mẹ chồng của chị H, từ trước đến nay giữa bà Ph và vợ chồng anh Th không có mâu thuẫn gì.

Bà Ph biết vợ chồng anh Th, chị H cần vốn để làm ăn nên có đi vay ngân hàng nông nghiệp huyện Phù Cừ số tiền là 200.000.000 đồng. Anh Th, chị H không có tài sản để thế chấp nên bà Ph đã làm thủ tục bảo lãnh, thế chấp tài sản là nhà đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H có diện tích là 246 m2 để anh Th, chị H vay tiền của ngân hàng. Từ khi bà Ph thế chấp cho đến nay nhà đất không có thay đổi gì và không có tranh chấp với ai.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bà Ph có quan điểm:

Anh Th, chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, bà Ph là người bảo lãnh, đây là nơi ở duy nhất của bà Ph nên bà Ph không nhất trí để ngân hàng phát mãi tài sản của bà Ph.

Bà Ph có ký vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, cam kết bảo lãnh, biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm.

Bà Ph đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà Ph.

UBND xã Minh Tân cung cấp như sau:

- Về đất và tài sản trên đất của bà Hoàng Thị Ph:

Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 02, diện tích 246 $m^2$, tại thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện P, tỉnh H cấp ngày 29/10/1999 mang tên hộ ông Lê Xuân H1, ông H1 là chồng bà Ph. Ông H1 đã chết, sau khi ông H1 chết thì những người thừa kế của ông H1 và bà Ph đã có văn bản thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất sang tên bà Hoàng Thị Ph và được cơ quan quản lý đất đai đăng ký biến động sang tên bà Ph ngày 12/5/2020. Đất và tài sản trên đất này hiện nay đều do bà Hoàng Thị Ph đang sở hữu, quản lý và sử dụng, đất đã được đăng ký biến động sang tên bà Ph và không có tranh chấp với ai.

- Về hộ tịch, nơi cư trú của các đương sự:

Ông Lê Xuân H1, bà Hoàng Thị Ph là bố mẹ đẻ anh Lê Văn Th, ông Lê Xuân H1 đã chết. Anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng, anh Th, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Tân.

Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1949, anh Lê Văn Th, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H. Bà Ph hiện nay vẫn có mặt tại nơi cư trú và đang sinh

sống tại địa phươngương. Anh Th, chị H đi làm ăn, thỉnh thoảng có về địa phươngương còn anh Th, chị H làm ăn ở đâu thì địa phương không rõ vì anh Th, chị H không trình báo với địa phương.

- Về việc Tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự:

Khi Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ có các văn bản, Giấy triệu tập gửi cho bà Ph, anh Th, chị H, UBND xã đã giao cho văn thư của UBND xã xuống tống đạt cho bà Ph, anh Th, chị H. Tuy nhiên bà Ph đã từ chối nhận các văn bản, Giấy triệu tập của Tòa án; anh Th, chị H không có mặt tại địa phương nên không tống đạt được cho anh Th, chị H.

**Tại phiên tòa**:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bên vay phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là nợ số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến xét xử sơ thẩm (ngày 27/3/2024) là 88.016.850 đồng. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu anh Th, chị H không trả được số tiền nợ gốc thì anh Th, chị H còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Nếu anh Th, chị H không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của bà Ph theo như Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 145442522/HĐTC ngày 13/5/2020 là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Th, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng Điều 463, 466, 298, 299, 303, 307, 335, 336, 317, 318, 320, 322, 323,468, 470 và 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng.

Buộc bên vay phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như ngân hàng yêu cầu tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số là 248.016.850 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Nếu anh Th, chị H không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bà Hoàng Thị Ph là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 145442522/HĐTC ngày 13/5/2020 để ngân hàng thu hồi nợ.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Th, chị H, bà Ph nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Th, chị H, bà Ph vắng mặt. Bà Ph đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà Ph. Anh Th, chị H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Th, chị H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Theo hợp đồng tín dụng số 2411-LAV 202000777 ngày 13/5/2020, giữa Ngân hàng với anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị H , thì anh Th, chị H vay của ngân hàng số tiền là 220.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán chi phí sản sản xuất kinh doanh, cụ thể là chăn nuôi. Lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 36 tháng, chia làm 03 phân kỳ trả nợ như sau: Ngày 13/5/2021 trả 70.000.000 đồng nợ gốc và lãi; ngày 13/5/2022 trả 70.000.000 đồng nợ gốc và lãi; thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/5/2023 trả 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi. Ngày 13/5/2020, ngân hàng đã giải ngân cho anh Th, chị H toàn bộ số tiền vay là 220.000.000 đồng, thể hiện tại Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số giải ngân 2411-LDS-202001573.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng giữa anh Th, chị H, bà Hoàng Thị Ph là mẹ đẻ anh Th đã bảo lãnh bằng tài sản của bà Ph là diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H. Việc bảo lãnh của bà Ph thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất số 145442522/HĐTC ngày 13/5/2020. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật ngày 23/5/2020. Theo hợp đồng thế chấp này, bà Ph dùng tài sản là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H, đất đã được UBND huyện P, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/1999, bà Ph được nhận thừa kế ngày 12/5/2020 để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng của anh Th, chị H.

Sau khi vay, anh Th, chị H trả được số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, còn nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay cho đến nay. Từ ngày 13/5/2021, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn nợ ngân hàng tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 88.016.850 đồng, tổng số nợ gốc và lãi là 248.016.850 đồng. Ngân hàng yêu cầu bên vay phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và yêu cầu bên vay phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ. Đồng thời yêu cầu nếu bên vay không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý, phát mại tài sản đã thế chấp của bà Ph theo như Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 145442522/HĐTC ngày 13/5/2020 là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Th, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

[3]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bên vay, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký nhận, thực hiện và không có tranh chấp gì nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

Về hợp đồng thế chấp của bên thứ ba là bà Hoàng Thị Ph để bảo đảm cho khoản vay của bên vay với ngân hàng:

Bà Ph xác định đây là tài của bà Ph. Bà Ph biết vợ chồng anh Th, chị H cần vốn để làm ăn và vay ngân hàng nông nghiệp huyện Phù Cừ số tiền là 200.000.000 đồng. Anh Th, chị H không có tài sản để thế chấp nên bà Ph đã làm thủ tục bảo lãnh, thế chấp tài sản là nhà đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H có diện tích là 246 m2 để anh Th, chị H vay tiền của ngân hàng. Từ khi bà Ph thế chấp cho đến nay nhà đất không có thay đổi gì và không có tranh chấp với ai.

Căn cứ quy định tại các Điều 298, 335, 336, 317, 318, 323, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì hợp đồng thế chấp bà Ph đã ký với ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của bên vay là phù hợp. Sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đúng các quy định của pháp luật. Do vậy

hợp đồng thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật nên các bên phải thực hiện theo các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo hợp đồng tín dụng, ngân hàng cho bên vay vay số tiền 220.000.000 đồng, mục đích cho vay là để bên vay sản xuất kinh doanh. Cho đến nay, bên vay mới trả được số nợ gốc là 60.000.000 đồng, còn nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay cho đến nay. Bên vay còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ( ngày 27/3/2024) gồm tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, tiền lãi là 88.016.850 đồng, tổng số nợ gốc và lãi là 248.016.850 đồng. Anh Th, chị H là người vay, sử dụng tiền vay nên anh Th, chị H phải trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số nợ này.

Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba là bà Ph để bảo đảm khoản vay cho anh Th, chị H được bên giao kết phù hợp với các quy định pháp luật, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu anh Th, chị H không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H của bà Hoàng Thị Ph để thu hồi nợ. Hiện bà Ph đang quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản thế chấp. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Th, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 298, 299, 303, 307, 335, 336, 317, 318, 320, 322, 323 và 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 88.016.850 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh Th, chị H phải trả cho nguyên đơn là: 248.016.850 đồng.

Trường hợp anh Th, chị H không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H của bà Hoàng Thị Ph để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Th, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 298, 299, 303, 307, 335, 336, 317, 318, 320, 322, 323 và 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3; 6; khoản 2Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN.

Buộc anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng .

Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/3/2024) là 88.016.850 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh Th, chị H phải trả cho nguyên đơn là: 248.016.850 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu không trăm mười sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Th, chị H không trả được nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bà Hoàng Thị Ph là toàn bộ diện tích đất 246 m2 và tài sản trên đất tại thửa số 46, tờ bản đồ số 02 ở thôn DV, xã MT, huyện P, tỉnh H mang tên Hoàng Thị Ph theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 145442522/HĐTC ngày 13/5/2020 để ngân hàng thu hồi nợ.

Bà Hoàng Thị Ph đang quản lý, sử dụng tài sản này.

(Có sơ đồ kèm theo)

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Th, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị H phải chịu 12.400.842 đồng (mười hai triệu bốn trăm nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN số tiền 6.191.273 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006268 ngày 12/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
*-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;*
*- Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H;*
*- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H*
*- Các đương sự;*
*- UBND xã, thị trấn;*
*- Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Tuấn**